|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập**–**Tự do**–**Hạnh phúc** |
| Số:/2017/TT-BTC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |
|   |  |

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định**

**và cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế; phí thẩm định và cấp giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam**

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế; phí thẩm định và cấp giấp giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa;phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

   Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế, phí thẩm định và cấp giấp giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa, phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch, lệ phí cấp phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

   2. Đối tượng áp dụng

   Thông tư này áp dụng đối với:

   a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về du lịch cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế; cấp giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa; cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam; cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch và cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên;

   b) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện quản lý nhà nước về du lịch theo quy định tại Luật du lịch;

   c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế; phí thẩm định và cấp giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên; lệ phí cấp phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.

   **Điều 2. Người nộp phí, lệ phí**

Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về du lịch cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế; cấp giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa; cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam; cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch phải nộp phí, lệ phí quy định tại Thông tư này.

**Điều 3. Tổ chức thu phí, lệ phí**

Tổng cục Du lịch; Cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh là tổ chức thu phí, lệ phí.

**Điều 4. Mức thu phí, lệ phí**

Mức thu phí, lệ phí được quy định như sau:

1. Phí thẩm định và cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế (bao gồm: cấp mới, cấp đổi, cấp lại): 3.000.000 đồng/giấy phép;

2. Phí thẩm định và cấp giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa (bao gồm: cấp mới, cấp đổi, cấp lại): 3.000.000 đồng/giấy phép;

3. Phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch (bao gồm: cấp mới, cấp đổi, cấp lại):

a) Đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế và nội địa: 650.000 đồng/thẻ;

b) Đối với hướng dẫn viên du lịch tại điểm: 300.000 đồng/thẻ;

4. Lệ phí cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam:

a) Cấp mới: 3.000.000 đồng/giấy phép.

b) Cấp đổi, cấp lại, cấp gia hạn: 1.500.000 đồng/giấy phép.

**Điều 5. Kê khai, nộp phí, lệ phí của tổ chức thu**

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

3. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện nộp số tiền phí thu được theo tỷ lệ quy định tại Điều 6 Thông tư này vànộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

**Điều 6. Quản lý và sử dụng phí**

1. Đối với phí thẩm định và cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế và phí thẩm định và cấp giấy phép kinh doanh lữ hành nội địa:

a) Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước thuộc diện khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí thì được trích để lại 90% tổng số tiền phí thẩm định thu được để chi cho hoạt động thẩm định, thu phí và nộp 10% vào ngân sách nhà nước. Tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, bao gồm cả: Chi thiết lập phần mềm quản lý, thiết lập hệ thống mạng, thuê máy chủ và duy trì hệ thống mạng phục vụ công tác cấp giấy phép kinh doanh lữ hành; tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ kinh doanh lữ hành.

2. Đối với phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch:

a) Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, được để lại tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí; như sau:

- Đối với phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa và thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế: Cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh được để lại 50% tổng số tiền phí thu được; trích chuyển 40% tổng số tiền phí thu được cho Tổng cục Du lịch và nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

- Đối với phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm: Cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh được để lại 70% tổng số tiền phí thu được; trích chuyển 20% tổng số tiền phí thu được cho Tổng cục Du lịch và nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

- Tổng cục Du lịch và Cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh quản lý và sử dụng số tiền phí thu được theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Trong đó, các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí, bao gồm cả: Chi thiết lập phần mềm quản lý, thiết lập hệ thống mạng, thuê máy chủ và duy trì hệ thống mạng phục vụ công tác cấp giấy phép cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; Tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch.

   **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017 và thay thế Thông tư số 177/TT-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định và cấp phép kinh doanh lữ hành quốc tế; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên; lệ phí cấp phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam;.

2. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Tòa án nhân dân tối cao;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- Kiểm toán nhà nước;- Công báo;- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;- Uỷ ban nhân dân, Cục Thuế, Sở Tài chính, Kho bạcnhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;- Lưu: VT, Vụ CST (CST 5). | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG**     **Vũ Thị Mai** |